




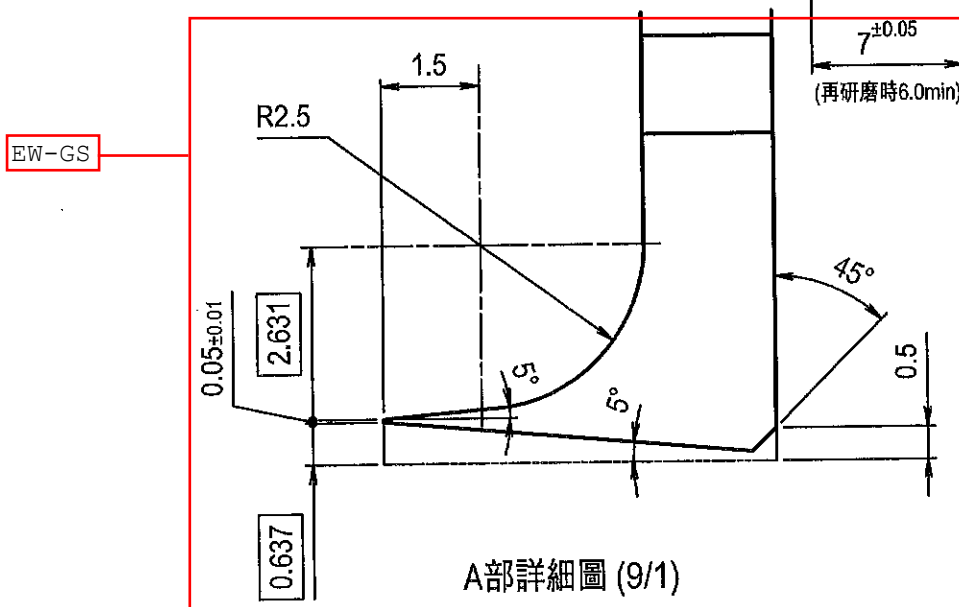
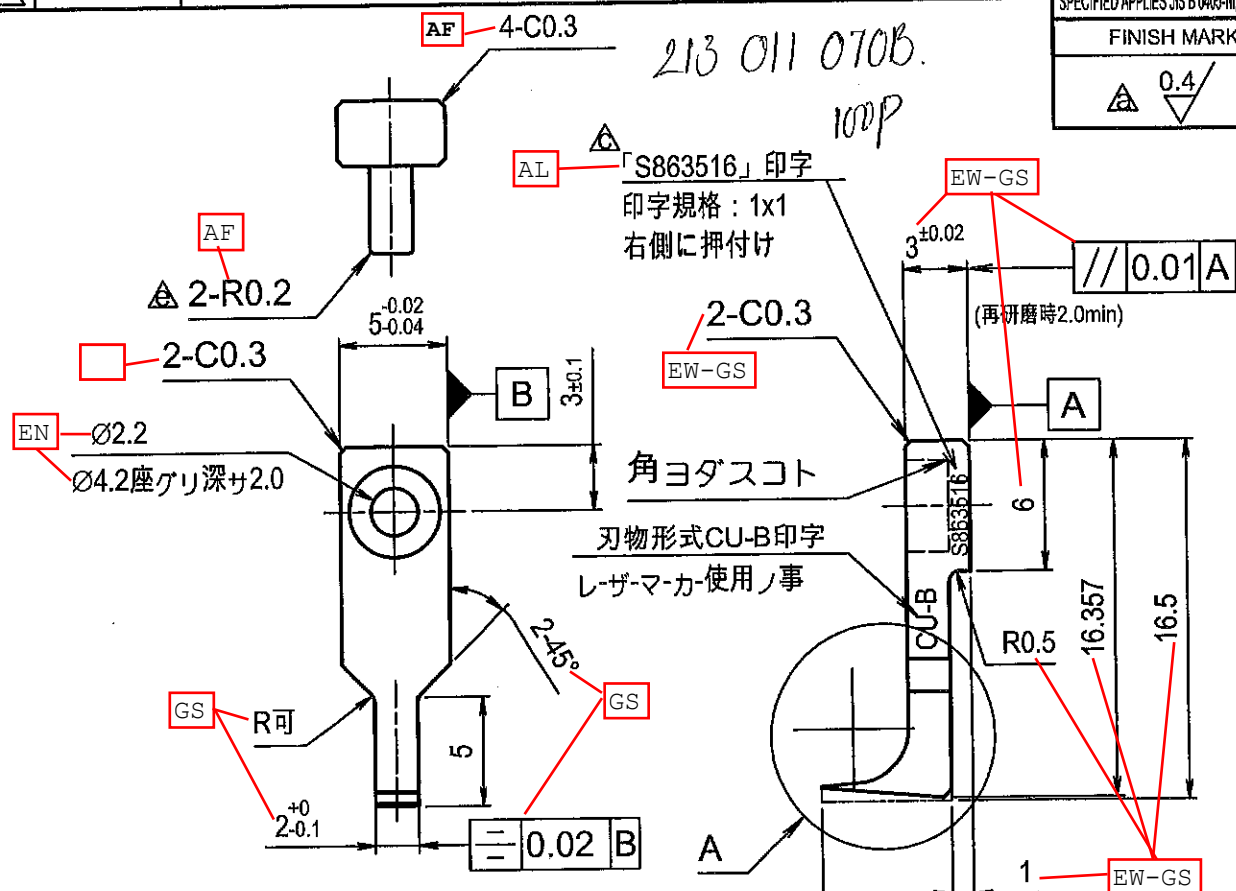
MV

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2012/05/30			WANG CHUAN YING	Ho Shou, Hsuan	0.5 \leq , \leq 6	\pm 0.1
	CHANG MSIU_PING	印刷追加	DVBS-0038	CHANG MSIU_PING	Pham Thanh Tung	6 <, \leq 30	\pm 0.2
	CHANG MSIU_PING	材質變更(ASP23→VANIS23)	T-VNM-15-06-291	CHANG MSIU_PING	Huang Kuo-Ching	30 <, \leq 120	\pm 0.3
	2017/12/26	寸法追記	T-VNM-17-09-040	Hsieh, Su-Ling	Wei Lun, Chean	120 <, \leq 400	\pm 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES IIS R406, IIS R410 & IIS R414	

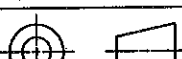
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS

$\triangle a$ $\triangle 0.4$



註:下限到達した場合時,
再研磨しない

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
WANG_CYUAN_YING	Ho_Shou_Hsuan	部品図		刃 (刀)
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		EDGE
HRC 58 ° ~ 60 °		部品図		刀刃
		部品図		刀刃
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
VANADIS23	2012/05/30	3:1		S863516

VLTD

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

14.0110419

SNO: **S863516**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **100 P**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

1.VẬT LIỆU:VANADIS23
T10 X 5 X 18

EW:12
GS:13.5
EN:6
AF:1
AL:0.5
KT